

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM  
VIETNAM MARITIME COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

# ĐIỀU LỆ

MARITIME  
BANK 

**ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Maritime Bank được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này đã được thông qua tại phiên họp thường niên lần thứ 21 của Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank, tổ chức vào ngày .25.. tháng .4.. năm 2013 tại Hà Nội, bao gồm 21 Chương, 98 Điều và thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã được xác nhận đăng ký tại Công văn số 7610/NHNN-TTGSNH ngày 29-9-2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**CHƯƠNG I  
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ**

1. “**Maritime Bank**” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam.
2. “**Thời hạn hoạt động**” có nghĩa là thời gian Maritime Bank được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Maritime Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận<sup>1</sup>.
3. “**Vốn điều lệ**” là vốn đã được các Cổ đông, các thành viên góp vốn thực góp và được ghi trong Điều lệ Maritime Bank<sup>2</sup>.
4. “**Cổ đông**” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Maritime Bank<sup>3</sup>.
5. “**Cổ đông sáng lập**” có nghĩa là Cổ đông tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của Maritime Bank.
6. “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Maritime Bank.
7. “**Sổ đăng ký Cổ đông**” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
8. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ của Maritime Bank được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng.

<sup>1</sup> Điểm r Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu NHTM

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN hướng dẫn Nghị định số 59 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/NHNN);

<sup>3</sup> Khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2005

9. "**Cổ phiếu**" là chứng chỉ do Maritime Bank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Maritime Bank. Cổ phiếu của Maritime Bank có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
10. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Maritime Bank sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.<sup>4</sup>
11. "**Công ty con**" của Maritime Bank là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây<sup>5</sup>:
  - a) Maritime Bank hoặc Maritime Bank và người có liên quan của Maritime Bank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
  - b) Maritime Bank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
  - c) Maritime Bank có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
  - d) Maritime Bank và người có liên quan của Maritime Bank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
12. "**Công ty liên kết**" của Maritime Bank là công ty trong đó Maritime Bank hoặc Maritime Bank và người có liên quan của Maritime Bank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của tổ chức tín dụng đó<sup>6</sup>.
13. "**Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị**" là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này.
14. "**Người quản lý Maritime Bank**" bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của Maritime Bank<sup>7</sup>.
15. "**Người điều hành Maritime Bank**" bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của Maritime Bank<sup>8</sup>.
16. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây<sup>9</sup>:
  - a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
  - b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

<sup>4</sup> Khoản 9 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2005

<sup>5</sup> Khoản 30 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 (sau đây gọi tắt là Luật CTCTC 2010)

<sup>6</sup> Khoản 29 Điều 4 Luật CTCTC 2010

<sup>7</sup> Khoản 31 Điều 4 Luật CTCTD 2010

<sup>8</sup> Khoản 32 Điều 4 Luật CTCTD 2010

<sup>9</sup> Khoản 28 Điều 4 Luật CTCTD 2010

- c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân, tổ chức sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
  - d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người này;
  - e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với những cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
  - f) Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân uỷ quyền; các cá nhân được uỷ quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
17. "Tổ chức lại" là việc Maritime Bank bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi.
  18. "NHNN" là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  19. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng;
  20. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29-11-2005;
  21. "Luật Các tổ chức tín dụng" có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16-06-2010.
  22. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu**

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**CHƯƠNG II  
TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

**Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0001/NH-GP ngày 08-6-1991 do NHNN cấp và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;
2. Tên đầy đủ là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam;
  - a) Tên viết tắt bằng tiếng Việt là Ngân hàng Hàng Hải hoặc NHHH.
  - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank.
  - c) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Maritime Bank hoặc MSB.

3. Trụ sở chính: Tòa tháp A, Tòa nhà Sky Tower, 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội<sup>10</sup>.
  - a) Điện thoại: 04 - 37718989.
  - b) Fax : 04 - 37718899.
  - c) Email : [msb@msb.com.vn](mailto:msb@msb.com.vn)
  - d) Website: [www.msb.com.vn](http://www.msb.com.vn)
4. Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.  
 Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của Maritime Bank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình<sup>11</sup>.
5. Danh sách Cổ đông sáng lập:
  - Công ty Vận tải biển Việt Nam: Số 215 Trần Quốc Toàn, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
  - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Q. Đống Đa, thành phố Hà Nội;
  - Tập đoàn Bảo Việt: Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
  - Cảng Hải Phòng: Số 4, đường Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
  - Cục Hàng không Dân dụng: Số 119 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
6. Sở Giao dịch và các Chi nhánh: Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về Sở Giao dịch, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Quỹ tiết kiệm được cung cấp trong Phụ lục 1 ban hành kèm theo Điều lệ này, các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của NHNN ban hành sau thời điểm Điều lệ này được thông qua.  
 Maritime Bank sẽ thành lập Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố khác khi được các cơ quan có thẩm quyền và NHNN cho phép theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
7. Vốn điều lệ của Maritime Bank tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: 8.000.000.000.000 đồng, bằng chữ: Tám ngàn tỷ đồng chẵn. Tổng số vốn điều lệ của Maritime Bank được chia thành: 800.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng cổ phần<sup>12</sup>.
8. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
9. Bảng cân đối kế toán và các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Maritime Bank có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

<sup>10</sup> Theo Văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm của SBV.

<sup>11</sup> Khoản 2 Điều 12 Luật CTCTD 2010.

<sup>12</sup> Khoản 1 Điều 5 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng ban hành theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng)

### CHƯƠNG III MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của Maritime Bank là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng... được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Maritime Bank, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của Maritime Bank là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, phương châm kinh doanh bền vững, an toàn và hiệu quả.

#### Điều 5. Nội dung hoạt động<sup>13</sup>

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - a) Cho vay;
  - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - c) Bào lãnh ngân hàng;
  - d) Phát hành thẻ tín dụng;
  - e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
  - f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
  - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
  - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.
7. Vay vốn của NHNN:

Maritime Bank được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
8. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính:

Maritime Bank được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
9. Mở tài khoản:

<sup>13</sup> Từ Điều 98 đến 107 Luật CTCTD 2010

- a) Maritime Bank phải mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.
  - b) Maritime Bank được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.
  - c) Maritime Bank được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
10. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán
- a) Maritime Bank được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
  - b) Maritime Bank được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.
11. Tham gia thị trường tiền tệ:
- Maritime Bank được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
12. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh:
- a) Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, Maritime Bank được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:
    - Ngoại hối;
    - Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
  - b) Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Maritime Bank cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
13. Thực hiện nghiệp vụ ủy thác và đại lý:
- Maritime Bank được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN.
14. Kinh doanh bất động sản:
- a) Maritime Bank không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp quy định tại điểm b của khoản này.
  - b) Maritime Bank được kinh doanh bất động sản trong các trường hợp sau đây:
    - Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Maritime Bank;
    - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Maritime Bank;
    - Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Maritime Bank phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Maritime Bank.
15. Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

16. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
17. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
18. Thực hiện dịch vụ môi giới tiền tệ.
19. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần<sup>14</sup>**

1. Maritime Bank chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.
2. Maritime Bank được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
  - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
  - b) Cho thuê tài chính;
  - c) Bảo hiểm.
3. Maritime Bank được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, khiếu hồi, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Maritime Bank được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
  - a) Bảo hiểm, chứng khoán, khiếu hồi, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
  - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Maritime Bank theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. Maritime Bank, công ty con của Maritime Bank được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
8. Trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, Hội đồng Quản trị của Maritime Bank quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc Maritime Bank quyết định việc góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu tại Điều này theo quy định của pháp luật.
9. Maritime Bank không được mua cổ phần, góp vốn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Cổ đông, thành viên góp vốn của Maritime Bank<sup>16</sup>.

<sup>14</sup> Điều 103 Luật CTCTD 2010

<sup>16</sup> Khoản 5 Điều 129 Luật CTCTD 2010.



**Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, Maritime Bank phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản “Có” và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG IV  
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG**

**Điều 8. Vốn điều lệ của Maritime Bank <sup>17</sup>**

1. Vốn điều lệ là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ này của Maritime Bank.
2. Vốn điều lệ của Maritime Bank có thể được tăng từ các nguồn sau:
  - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
  - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
  - d) Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;
  - e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ của Maritime Bank được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. Trong quá trình hoạt động, Maritime Bank phải đảm bảo duy trì mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, Maritime Bank phải công bố công khai số vốn điều lệ mới<sup>18</sup>.

**Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ**

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của Maritime Bank phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của Maritime Bank có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.<sup>19</sup>
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, Maritime Bank phải có văn bản báo cáo NHNN (qua cơ quan thanh tra, giám sát) về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ, đính kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mức vốn điều lệ mới kèm theo Danh sách Cổ đông, đồng thời gửi NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Maritime Bank đặt trụ sở chính toàn bộ các văn bản này.<sup>20</sup>

<sup>17</sup> Điều 24 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN

<sup>18</sup> Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 57 về chế độ tài chính của TCTD.

<sup>19</sup> Khoản 1 Điều 25 Thông tư 06/2010/TT-NHNN.

<sup>20</sup> Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN.

2

NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Maritime Bank đặt trụ sở chính toàn bộ các văn bản này.<sup>20</sup>

**Điều 10. Vốn hoạt động của Maritime Bank<sup>21</sup>**

1. Vốn chủ sở hữu:
  - a) Vốn điều lệ;
  - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
  - c) Thặng dư vốn cổ phần;
  - d) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;
  - e) Lợi nhuận được để lại.
2. Vốn huy động:
  - a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
  - b) Vay các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
  - c) Vay NHNN;
  - d) Phát hành các giấy tờ có giá;
  - e) Vốn nhận ủy thác đầu tư
3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Sử dụng vốn, tài sản<sup>22</sup>**

1. Maritime Bank được sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
2. Maritime Bank được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.
3. Maritime Bank được sử dụng không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động và phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.
4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của Maritime Bank được thực hiện theo quy định của Maritime Bank.

**Điều 12. Bảo đảm an toàn vốn<sup>23</sup>**

1. Maritime Bank phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
  - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
  - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
  - c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;
  - d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;

<sup>20</sup> Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN.

<sup>21</sup> Điều 4 Nghị định 57 về chế độ tài chính của TCTD.

<sup>22</sup> Điều 6 Nghị định 57 về chế độ tài chính của TCTD

<sup>23</sup> Điều 130 Luật CTCTD 2010

- e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;
  - f) Các tỷ lệ tiền gửi trung, dài hạn so với tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn.
2. Maritime Bank khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
  3. Tổng số vốn của Maritime Bank đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của Maritime Bank dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.
  4. Trong trường hợp Maritime Bank không đạt hoặc có khả năng không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Maritime Bank phải báo cáo NHNN giải pháp, kế hoạch khắc phục để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định.

## CHƯƠNG V CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU

### Điều 13. Các loại cổ phần<sup>24</sup>

1. Maritime Bank có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
2. Maritime Bank có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp Maritime Bank kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của Maritime Bank.  
Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác của Maritime Bank không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Maritime Bank phát hành. Người được mua và số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
4. Maritime Bank luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
5. Maritime Bank có thể phát hành các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật<sup>25</sup>.
6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Maritime Bank khi được NHNN cho phép và tuân thủ quy định của pháp luật.

### Điều 14. Tỷ lệ sở hữu cổ phần<sup>26</sup>

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Maritime Bank.

<sup>24</sup> Điều 52 Luật CTCTD 2010

<sup>25</sup> Khoản 8 Điều 5 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>26</sup> Điều 55 Luật CTCTD 2010

2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Maritime Bank, trừ các trường hợp sau đây:
  - a) Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật Các tổ chức tín dụng để xử lý Maritime Bank gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
  - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Maritime Bank.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều này<sup>27</sup>.

**Điều 15. Cổ phiếu<sup>28</sup>**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Maritime Bank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Maritime Bank. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây<sup>29</sup>:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Maritime Bank;
  - b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
  - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Maritime Bank;
  - h) Số đăng ký tại sở đăng ký Cổ đông của Maritime Bank và ngày phát hành cổ phiếu;
  - i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Maritime Bank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Maritime Bank phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Maritime Bank.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được Maritime Bank cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

<sup>27</sup> Khoản 6 Điều 34 Nghị định số 59

<sup>28</sup> Điều 35 Nghị định số 59

<sup>29</sup> Điều 85 Luật Doanh nghiệp 2005

- a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Maritime Bank để tiêu hủy;
  - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Maritime Bank cấp cổ phiếu mới.
5. Cổ phiếu của Maritime Bank không được sử dụng để cầm cố tại chính Maritime Bank.
6. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phiếu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua<sup>30</sup>, Maritime Bank có trách nhiệm phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông.

**Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác<sup>31</sup>**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Maritime Bank (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

**Điều 17. Chào bán cổ phần**

- 1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây<sup>32</sup>:
  - a) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Maritime Bank;
  - b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
  - c) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng Cổ đông Maritime Bank quyết định.
- 2. Trường hợp Maritime Bank phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại Maritime Bank thì sẽ được thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) Maritime Bank thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của Cổ đông. Thông báo phải được đăng báo trong 03 (ba) số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;
  - b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại Maritime Bank; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần Cổ đông được quyền mua; giá chào bán

<sup>30</sup> Điều 58 Luật CTCTD 2010.

<sup>31</sup> Điều 7 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng.

<sup>32</sup> Điều 87 Luật Doanh nghiệp 2005.

✓

cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu Phiếu đăng ký mua do Maritime Bank phát hành;

- c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
  - d) Nếu Phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Maritime Bank đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.
  - e) Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông của Maritime Bank hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán .
3. Cổ phần của Maritime Bank được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông và kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Maritime Bank.

**Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần<sup>33</sup>**

- 1. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
- 2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
  - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
  - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Các tổ chức tín dụng.
- 3. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng<sup>34</sup>.

**Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông<sup>35</sup>**

- 1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Maritime Bank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Maritime Bank có quyền yêu cầu

<sup>33</sup> Điều 56 Luật CTCTD 2010.

<sup>34</sup> Điểm d, khoản 1, Điều 29 Luật CTCTD 2010

<sup>35</sup> Điều 90 Luật Doanh nghiệp 2005

Maritime Bank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Maritime Bank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Maritime Bank trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Maritime Bank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Maritime Bank giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Maritime Bank<sup>36</sup>**

- Maritime Bank có thể mua cổ phần do chính Maritime Bank đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Maritime Bank mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật.
- Việc Maritime Bank mua lại cổ phiếu của chính mình để làm cổ phiếu quỹ phải đáp ứng các điều kiện của pháp luật đối với công ty đại chúng.

**Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại<sup>37</sup>**

- Ngoài các hạn chế khác đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, Maritime Bank chỉ được mua lại cổ phần của Cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Maritime Bank thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.
- Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Maritime Bank.

**Điều 22. Phát hành trái phiếu<sup>38</sup>**

Maritime Bank có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank.

**CHƯƠNG VI  
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ**

**Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý<sup>39</sup>**

- Cơ cấu tổ chức quản lý của Maritime Bank bao gồm:

<sup>36</sup> Khoản 7 Điều 5 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>37</sup> Điều 92 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 57 Luật CTCTD 2010

<sup>38</sup> Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 37 Nghị định số 59

<sup>39</sup> Điều 14 Nghị định số 59



- a) Đại hội đồng Cổ đông;
  - b) Hội đồng Quản trị;
  - c) Ban Kiểm soát;
  - d) Tổng Giám đốc;
  - e) Bộ máy giúp việc.
2. Hội đồng Quản trị phải quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Maritime Bank trong từng thời kỳ .
  3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt<sup>40</sup>.

## CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông<sup>41</sup>

1. Maritime Bank phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Maritime Bank;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức;
  - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của Maritime Bank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Xác lập danh sách Cổ đông:
  - a) Maritime Bank quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với Maritime Bank trước thời điểm nói trên;

<sup>40</sup> Điều 7 Nghị định số 59

<sup>41</sup> Điều 86 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 33 Nghị định số 59



- b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của Cổ đông.

## **Điều 25. Quyền của Cổ đông<sup>42</sup>**

### **1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:<sup>43</sup>**

- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Maritime Bank;
- d) Được chuyển nhượng cổ phần cho Cổ đông khác của Maritime Bank hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại cổ phần cho Maritime Bank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Maritime Bank, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Maritime Bank khi Maritime Bank giải thể hoặc phá sản sau khi Maritime Bank đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo tỷ lệ như sau<sup>44</sup>:
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
  - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;

<sup>42</sup> Điều 79, 82 Luật Doanh nghiệp; Điều 53 Luật CTCTD 2010; Điều 11 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>43</sup> Điều 53 Luật CTCTD 2010

<sup>44</sup> Điều 29 Nghị định 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.  
Danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông.
  - j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có thêm các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
  - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Maritime Bank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Maritime Bank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Maritime Bank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;
  - b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Maritime Bank, sau khi Maritime Bank đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Maritime Bank giải thể hoặc phá sản;
  - c) Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Maritime Bank trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
  - b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Maritime Bank;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
  - d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
  - e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
  - f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

**Điều 26. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông Maritime Bank<sup>45</sup>**

1. Cổ đông của Maritime Bank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
  - a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
  - b) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Maritime Bank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Maritime Bank trong phạm vi số vốn đã góp vào Maritime Bank;
  - c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Maritime Bank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Maritime Bank, trừ trường hợp được Maritime Bank hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Maritime Bank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
  - d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Maritime Bank;
  - e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Maritime Bank;
  - f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
  - g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  - h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Maritime Bank dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
    - Vi phạm pháp luật;
    - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
    - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Maritime Bank.

<sup>45</sup> Điều 54 Luật CTCTD 2010; Điều 80 Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều 12 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp Maritime Bank phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần, Maritime Bank có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này<sup>46</sup>.

**Điều 27. Đại hội đồng Cổ đông<sup>47</sup>**

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Maritime Bank. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản<sup>48</sup>.
3. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Maritime Bank;
  - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Maritime Bank;
  - c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
  - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Maritime Bank;
  - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
  - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Maritime Bank và Cổ đông của Maritime Bank;
  - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Maritime Bank;
  - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
  - i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
  - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Maritime Bank;
  - l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
  - m) Quyết định thành lập công ty con;
  - n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

<sup>46</sup> Khoản 2 Điều 54 Luật CTCTD 2010

<sup>47</sup> Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 14 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>48</sup> Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 121

- o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Maritime Bank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của Maritime Bank; công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank;
  - q) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Maritime Bank;
  - r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Maritime Bank.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 4 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

**Điều 28. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>49</sup>**

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này và triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Maritime Bank;
  - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn 03 thành viên;
  - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này;
  - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
  - e) Theo yêu cầu của NHNN;<sup>50</sup>
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này.
 

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Maritime Bank.
3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
 

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Maritime Bank.

<sup>49</sup> Khoản 1 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Điều 97 Luật Doanh nghiệp 2005

<sup>50</sup> Điều 60 Luật CTCTD 2010

4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2,3 và 4 của Điều này sẽ được Maritime Bank hoàn lại.

**Điều 29. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>51</sup>**

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của Maritime Bank. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày<sup>52</sup> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông.
2. Maritime Bank phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách<sup>53</sup>.
3. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

**Điều 30. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>54</sup>**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Maritime Bank chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại Maritime Bank, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

<sup>51</sup> Điều 98 Luật Doanh nghiệp 2005

<sup>52</sup> Điểm a, Khoản 2 Điều 17 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>53</sup> Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 121/2012/TT-BTC

<sup>54</sup> Điều 99 Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều 17 Điều lệ mẫu Cty Đại chúng

✓

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
  - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
6. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số vốn cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

**Điều 31. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>55</sup>**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.  
 Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Maritime Bank, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Maritime Bank đóng trụ sở chính.  
 Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Maritime Bank bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Maritime Bank, thông báo có thể được gửi trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
2. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Maritime Bank có website, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Maritime Bank đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.<sup>57</sup>

<sup>55</sup> Điều 100 Luật Doanh nghiệp 2005, Điều 17 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>57</sup> Khoản 3 Điều 17 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Maritime Bank; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
4. Kèm theo Thông báo mời họp phải có mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Thông báo mời họp, Maritime Bank phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.

**Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>58</sup>**

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:<sup>59</sup>
  - a) Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông;
  - b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng Ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng Cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
  - c) Ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Maritime Bank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:<sup>60</sup>
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chi định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

<sup>58</sup> Điều 101 Luật Doanh nghiệp 2005

<sup>59</sup> Điều 26 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01-10-2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

<sup>60</sup> Khoản 4 Điều 15 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng



**Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>61</sup>**

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

**Điều 34. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>62</sup>**

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, Maritime Bank phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là người được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự

<sup>61</sup> Điều 102 Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều 18 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>62</sup> Điều 103 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 19 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.
10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
  - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
  - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
  - a) Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp”);
  - b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;
  - c) Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

**Điều 35. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.<sup>63</sup>
2. Đại hội đồng Cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 người.

<sup>63</sup> Điểm a khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010; Khoản 1 Điều 104 Luật Doanh nghiệp 2005;

3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Maritime Bank sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ phản đối nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.
4. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:<sup>64</sup>
  - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
  - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 và các điểm b, h, o và q khoản 3 Điều 27 Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
  - c) Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, d, f và q khoản 3 Điều 27 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này.<sup>65</sup>
6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.  
 Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Điều lệ này.<sup>66</sup>
7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
8. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.<sup>67</sup>

<sup>64</sup> Điểm b, c khoản 3 Điều 59 Luật CTCTD 2010

<sup>65</sup> Khoản 2 Điều 26 ND 102/2010/ND-CP ngày 01-10-2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

<sup>66</sup> Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 102/2010/ND-CP

<sup>67</sup> Khoản 6 Điều 104 Luật Doanh nghiệp

**Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông<sup>68</sup>**

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Maritime Bank, trừ các trường hợp quy định tại điểm a, d, f và q khoản 3 Điều 27 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Maritime Bank;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về Maritime Bank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.  
Phiếu lấy ý kiến gửi về Maritime Bank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Maritime Bank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Maritime Bank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Các quyết định đã được thông qua;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.

<sup>68</sup> Điều 105 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 21 Điều lệ mẫu đối với Công ty Đại chúng

*Handwritten mark*

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thẻ thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.<sup>69</sup>
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank;
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

**Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông<sup>70</sup>**

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Maritime Bank. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chủ tọa và Thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
  - h) Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua;
  - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết,

<sup>69</sup> Điều 61 Luật CTCTD 2010

<sup>70</sup> Điều 106 Luật Doanh nghiệp 2005.

✓

quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank.

**Điều 38. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**

1. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.<sup>71</sup>
2. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Maritime Bank đặt trụ sở chính.<sup>72</sup>
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.<sup>73</sup>

**Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông**<sup>74</sup>

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
  - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank;
  - b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Maritime Bank.

**CHƯƠNG VIII**

**QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn chung**

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Maritime Bank, có toàn quyền nhân danh Maritime Bank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Maritime Bank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.<sup>75</sup>
2. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Maritime Bank trong việc quản trị, điều hành Maritime Bank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.<sup>76</sup>

<sup>71</sup> Khoản 1 Điều 27 ND 102/ND-CP hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp

<sup>72</sup> Điều 61 Luật CTCTD 2010

<sup>73</sup> Khoản 2 Điều 27 ND 102/ND-CP hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp

<sup>74</sup> Điều 107 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 23 Điều lệ mẫu đối với Công ty Đại chúng

<sup>75</sup> Khoản 1 Điều 43 Luật CTCTD 2010

<sup>76</sup> Khoản 1 Điều 45 Luật CTCTD 2010

3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Maritime Bank, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Maritime Bank.<sup>77</sup>

**Điều 41. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc<sup>78</sup>**

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 30 ngày, Hội đồng Quản trị Maritime Bank phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.
3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại khoản 2 Điều này. Maritime Bank có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.
6. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát, Maritime Bank phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên.<sup>79</sup>
7. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm.<sup>80</sup>

<sup>77</sup> Khoản 2 Điều 48 Luật CTCTD 2010

<sup>78</sup> Điều 51 Luật CTCTD 2010; Điều 16 Thông tư số 06

<sup>79</sup> Điều 51 Luật CTCTD 2010

<sup>80</sup> Khoản 1 Điều 48, Điều 51 Luật CTCTD 2010

✓

**Điều 42. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương<sup>81</sup>**

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương:
  - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
  - c) Người đã bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
  - e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Maritime Bank;
  - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Maritime Bank;
  - g) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
  - h) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
  - i) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - j) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Maritime Bank;
  - k) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng Giám đốc của Maritime Bank.
  - l) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của Maritime Bank.<sup>82</sup>

<sup>81</sup> Khoản 1 Điều 33 Luật CTCTD 2010

<sup>82</sup> Khoản 3 Điều 33 Luật TCTD 2010



**Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ** <sup>83</sup>

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Maritime Bank:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Maritime Bank;
  - b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Maritime Bank hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;
  - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Maritime Bank không được đồng thời là Người điều hành của Maritime Bank và của tổ chức tín dụng khác.
2. Thành viên Ban Kiểm soát:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Maritime Bank là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
  - b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Maritime Bank;
  - c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty con của Maritime Bank;
  - b) Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp khác.

**Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm** <sup>84</sup>

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này;
  - b) Có đạo đức nghề nghiệp;
  - c) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của Maritime Bank, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.
  - d) Đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các điểm a, b và c khoản này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này;

<sup>83</sup> Điều 34 Luật TCTD 2010

<sup>84</sup> Điều 50 Luật CTCTD 2010

- b) Có đạo đức nghề nghiệp;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý Maritime Bank;
- e) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- d) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
- e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:
- a) Không thuộc đối tượng quy định dưới đây:
- Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
  - Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
  - Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
  - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
  - Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này.
- b) Đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc thì phải là người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này.
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
- d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

**Điều 45. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị**<sup>85</sup>

1. Không phải là người đang làm việc cho Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank hoặc đã làm việc cho Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank trong 03 năm liền kể trước đó;
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Maritime Bank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Maritime Bank, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Maritime Bank hoặc công ty con của Maritime Bank;
4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Maritime Bank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Maritime Bank;
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Maritime Bank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

**Điều 46. Đương nhiên mất tư cách**<sup>86</sup>

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
  - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ này về những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ;
  - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của Maritime Bank khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
  - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức;
  - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) Khi Maritime Bank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
2. Hội đồng Quản trị của Maritime Bank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

<sup>85</sup> Khoản 2 Điều 50 Luật CTCTD 2010

<sup>86</sup> Điều 23 Nghị định số 59

5. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.
6. Chức danh được Thống đốc NHNN chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

**Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm<sup>87</sup>**

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:<sup>88</sup>
  - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Maritime Bank;
  - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44 Điều lệ này;
  - e) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;
  - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của Maritime Bank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.<sup>89</sup>
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của Maritime Bank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN<sup>90</sup>
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
5. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế.
6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

**Điều 48. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp<sup>91</sup>**

1. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Điều lệ này và quy định của pháp luật, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có quyết định

<sup>87</sup> Điều 36 Luật CTCTD 2010; Điều 20 Thông tư số 06/2010/TT-NHNN

<sup>88</sup> Khoản 1 Điều 36 Luật CTCTD 2010

<sup>89</sup> Khoản 2 Điều 36 Luật CTCTD 2010

<sup>90</sup> Khoản 3 Điều 36 Luật CTCTD 2010

<sup>91</sup> Điều 21 Thông tư số 06/2010/NHNN

cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động ngân hàng để đảm bảo ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, Giám sát và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh). Người được cử điều hành ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

2. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị dương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

**Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ<sup>92</sup>**

1. Trường hợp Maritime Bank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành của Maritime Bank nếu xét thấy cần thiết.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành của Maritime Bank có thể bị NHNN đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ, quyền hạn khi vi phạm quy định tại Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Maritime Bank miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Maritime Bank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

**Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát<sup>93</sup>**

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan<sup>94</sup>**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Maritime Bank phải công khai với Maritime Bank các thông tin sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
  - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

<sup>92</sup> Điều 37 Luật CTCTD 2010

<sup>93</sup> Điều 29 Nghị định số 59

<sup>94</sup> Điều 39 Luật CTCTD 2010; Điều 118 Luật Doanh nghiệp 2005

2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Maritime Bank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Maritime Bank.

**Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành Maritime Bank<sup>95</sup>**

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Maritime Bank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của Maritime Bank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Maritime Bank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Maritime Bank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Maritime Bank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động Maritime Bank, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Maritime Bank.
6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Maritime Bank về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Maritime Bank và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng ác dịch vụ ngân hàng của Maritime Bank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Maritime Bank.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Maritime Bank bị lỗ.
9. Các nghĩa vụ khác do theo quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 53. Tránh xung đột quyền lợi**

1. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành và những người liên quan của họ và pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính phải tuân theo quy định của pháp luật.
2. Các hợp đồng của Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban

<sup>95</sup> Điều 38 Luật CTCTD 2010

Kiểm soát, Cổ đông lớn; công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank chỉ được ký kết, nếu bảo đảm thực hiện đúng theo quy định sau đây:

- a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ thấp hơn quy định trong Điều lệ này) thì phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.<sup>97</sup>
  - b) Đối với hợp đồng giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ thấp hơn quy định trong Điều lệ này) thì phải được Hội đồng Quản trị thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.<sup>98</sup>
3. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Maritime Bank phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Maritime Bank các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.

#### **Điều 54. Trách nhiệm và bồi thường**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cần và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường cho những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

## **CHƯƠNG IX HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 55. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị<sup>100</sup>**

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Maritime Bank, có toàn quyền nhân danh Maritime Bank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Maritime Bank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành Maritime Bank.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của Maritime Bank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

<sup>97</sup> Điểm q khoản 2 Điều 59 Luật CTCTD 2010

<sup>98</sup> Khoản 10 Điều 63 Luật CTCTD 2010

<sup>100</sup> Điều 43, Điều 62 Luật CTCTD 2010;

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu là 05 thành viên thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Maritime Bank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.<sup>101</sup>
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
9. Sau khi cổ phiếu Maritime Bank đã niêm yết, việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.<sup>102</sup>
10. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của Maritime Bank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
11. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
12. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.

**Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị<sup>103</sup>**

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Maritime Bank.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

<sup>101</sup> Khoản 2 Điều 16 ND 59/2009/NĐ-CP

<sup>102</sup> Khoản 6 Điều 24 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>103</sup> Điều 63 Luật CTCTD 2010



6. Cử người đại diện vốn góp của Maritime Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Maritime Bank từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Maritime Bank quy định tại điểm o khoản 3 Điều 27 Điều lệ này.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này.
9. Thông qua các hợp đồng của Maritime Bank với công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank; các hợp đồng của Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
11. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Maritime Bank phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Maritime Bank.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
15. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Maritime Bank.
18. Quyết định mua lại cổ phần của Maritime Bank.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của Maritime Bank trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính<sup>104</sup>.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.

<sup>104</sup> Khoản 1 Điều 42 Luật CTCTD 2010

24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị<sup>105</sup>**

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
6. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank.

**Điều 58. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị<sup>106</sup>**

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Maritime Bank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.

<sup>105</sup> Điều 64 Luật CTCTD 2010;

<sup>106</sup> Điều 65 Luật CTCTD 2010

✓

5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 59. Hợp Hội đồng Quản trị<sup>107</sup>**

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Maritime Bank hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc của Trưởng Ban Kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Maritime Bank, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
6. Maritime Bank có quyền ban hành quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Maritime Bank.

<sup>107</sup> Khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 49 Nghị định số 59

*Handwritten mark*

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.  
Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.
11. Biểu quyết:<sup>108</sup>
  - a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Maritime Bank.
  - c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
  - d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 53 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Maritime Bank và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.<sup>109</sup>
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp

<sup>108</sup> Khoản 9 Điều 27 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>109</sup> Khoản 10 Điều 27 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người Chủ tọa cuộc họp.<sup>110</sup>

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.<sup>111</sup>
14. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.<sup>112</sup>
15. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

**Điều 60. Biên bản họp Hội đồng Quản trị<sup>113</sup>**

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c) Thời gian, địa điểm họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Các quyết định đã được thông qua;
  - i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Maritime Bank.

<sup>110</sup> Khoản 6 Điều 49 Nghị định số 59

<sup>111</sup> Khoản 1 Điều 27 ND 102/2010/ND-CP hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp

<sup>112</sup> Khoản 2 Điều 27 ND 102/2010/ND-CP hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp

<sup>113</sup> Khoản 1, 2 Điều 113 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 50 Nghị định số 59/2009/ND-CP về tổ chức và hoạt động của NIITM

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.<sup>114</sup>

**Điều 61. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản<sup>115</sup>**

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Maritime Bank;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
  - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Maritime Bank;
  - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về Maritime Bank theo quy định của Maritime Bank.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Maritime Bank;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
  - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
  - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

<sup>114</sup> Khoản 14 Điều 27 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>115</sup> Điều 51 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của NHFM

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Maritime Bank.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

## CHƯƠNG X TỔNG GIÁM ĐỐC

### **Điều 62. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc<sup>116</sup>**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Maritime Bank, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Maritime Bank thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Maritime Bank.<sup>117</sup>
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động có thời hạn quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Lương, các khoản bồi thường (nếu có) và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông của Maritime Bank và ghi tại Báo cáo thường niên của Maritime Bank.<sup>118</sup>
5. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.
6. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Maritime Bank theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
7. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Maritime Bank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

### **Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc<sup>119</sup>**

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Maritime Bank.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

<sup>116</sup> Điều 116 Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều 31 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>117</sup> Khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp 2005

<sup>118</sup> Khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>119</sup> Điều 49 Luật CTCTD-2010; Khoản 3 Điều 116 Luật Doanh nghiệp 2005

4. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Maritime Bank.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Maritime Bank trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Maritime Bank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
11. Ký kết hợp đồng nhân danh Maritime Bank theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Maritime Bank.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Maritime Bank;
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền;
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

## CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

### **Điều 64. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát<sup>120</sup>**

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của Maritime Bank có tối thiểu 03 thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách; không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Maritime Bank hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Maritime Bank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

<sup>120</sup> Điều 44 Luật CTCTD 2010



5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Maritime Bank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát<sup>121</sup>**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank trong quản trị, điều hành Maritime Bank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Maritime Bank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Maritime Bank, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Maritime Bank khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý Maritime Bank có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
7. Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Maritime Bank, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
8. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Maritime Bank và quy định của pháp luật.
9. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

<sup>121</sup> Điều 45 Luật CTCTD 2010

**Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát<sup>122</sup>**

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 65 Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 67. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát<sup>123</sup>**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Maritime Bank và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Maritime Bank và Cổ đông.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Maritime Bank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

<sup>122</sup> Điều 46 Luật CTCTD 2010

<sup>123</sup> Điều 47 Luật CTCTD 2010

**Điều 68. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát<sup>124</sup>**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Maritime Bank phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Maritime Bank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Maritime Bank làm việc.
4. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Maritime Bank theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

**CHƯƠNG XII  
HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ<sup>125</sup>**

**MỤC 1  
KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**Điều 69. Bộ phận kiểm toán nội bộ<sup>126</sup>**

1. Kiểm toán nội bộ của Maritime Bank được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Maritime Bank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Maritime Bank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc Maritime Bank.

**Điều 70. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ<sup>127</sup>**

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
  - a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
  - b) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ ngân hàng;
  - c) Có bằng Đại học các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;

<sup>124</sup> Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2005

<sup>125</sup> Thông tư số 44/2012/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của TCTD & Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

<sup>126</sup> Điều 41 Luật CTCTD 2010: Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 44/2011/TT\_NHNN

<sup>127</sup> Điều 13 Thông tư số 44



- d) Có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc làm công tác kiểm toán tối thiểu là 03 năm;
  - e) Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
  - f) Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
  - g) Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
  - h) Các tiêu chuẩn khác do Maritime Bank quy định.
2. Đối với kiểm toán viên công nghệ thông tin, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin tối thiểu là 03 năm.
  3. Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, e, f, g và điểm h khoản 1 Điều này, Trưởng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng kiểm toán nội bộ tối thiểu phải có bằng đại học thuộc các chuyên ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tối thiểu là 05 năm.

**Điều 71. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ<sup>128</sup>**

1. Người đứng đầu bộ máy kiểm toán nội bộ của Maritime Bank (gọi tắt là Trưởng Kiểm toán nội bộ) do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Phó trưởng Kiểm toán nội bộ và các chức danh khác của kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ trên cơ sở đề xuất của Trưởng kiểm toán nội bộ.

**MỤC 2**

**KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

**Điều 72. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ<sup>129</sup>**

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tín dụng phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ đối với công ty liên kết của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi phát hiện những sai phạm, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh phải kịp thời hoạch định và thực hiện biện pháp khắc phục.

**Điều 73. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ<sup>131</sup>**

1. Các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của Maritime Bank phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp. Khi có sự thay đổi về mục tiêu kinh doanh,

<sup>128</sup> Điều 14 Thông tư số 44

<sup>129</sup> Điều 5 Thông tư số 44

<sup>131</sup> Điều 4 Thông tư số 44

- sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh doanh mới, Maritime Bank phải rà soát, nhận dạng rủi ro liên quan để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định kiểm soát nội bộ phù hợp.
2. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ là một phần không tách rời các hoạt động hằng ngày của Maritime Bank. Kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Maritime Bank dưới nhiều hình thức như:
    - a) Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch; bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Maritime Bank;
    - b) Quy định về hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện giao dịch;
    - c) Quy trình thẩm định, chấp thuận và duyệt cho phép thực hiện giao dịch; bảo đảm một quy trình nghiệp vụ phải có ít nhất 02 cán bộ tham gia, một người thực hiện giao dịch và một người kiểm soát giao dịch, không có cá nhân nào có thể một mình thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch trong hạn mức được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho phép phù hợp với quy định của pháp luật.
  3. Phân cấp ủy quyền phải được thiết lập, thực hiện hợp lý, cụ thể, rõ ràng, tránh xung đột lợi ích; bảo đảm một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chông chéo với nhau; đảm bảo mọi cán bộ trong Maritime Bank không có điều kiện để thao túng hoạt động, không minh bạch thông tin phục vụ cho mục đích cá nhân hoặc che giấu hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Maritime Bank.
  4. Bảo đảm chấp hành chế độ hạch toán, kế toán theo quy định và phải có hệ thống thông tin nội bộ về tài chính, về hoạt động, về tình hình tuân thủ trong Maritime Bank và tình hình kinh tế, thị trường bên ngoài hợp lý, tin cậy, kịp thời nhằm phục vụ cho công tác quản trị, điều hành hiệu quả.
  5. Hệ thống thông tin, công nghệ thông tin của Maritime Bank phải được giám sát, bảo vệ hợp lý, an toàn và phải có cơ chế quản lý dự phòng độc lập nhằm xử lý kịp thời những tình huống bất ngờ, bao gồm cả thiên tai, cháy, nổ, hệ thống bị xâm nhập, đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của ngành ngân hàng, đảm bảo hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục của Maritime Bank.
  6. Bảo đảm cán bộ, nhân viên của Maritime Bank đều phải hiểu được tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát nội bộ; vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm soát nội bộ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao và phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các quy định, quy trình kiểm soát nội bộ liên quan.
  7. Người điều hành bộ phận, đơn vị nghiệp vụ và cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; các tồn tại, bất cập của hệ thống kiểm soát nội bộ phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; các tồn tại, bất cập lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo ngay cho Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
  8. Cá nhân, bộ phận ở các cấp của Maritime Bank phải thường xuyên, liên tục kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ có liên quan và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện hoạt động nghiệp vụ được giao trước Maritime Bank và trước pháp luật.
  9. Lãnh đạo đơn vị, bộ phận của Maritime Bank phải báo cáo về kết quả tự đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, bất

cấp (nếu có) gửi lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất, theo yêu cầu của lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp.

### CHƯƠNG XIII

#### TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

##### Điều 74. Chế độ tài chính<sup>132</sup>

Chế độ tài chính của Maritime Bank được thực hiện theo quy định của pháp luật.

##### Điều 75. Năm tài chính<sup>133</sup>

Năm tài khóa của Maritime Bank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

##### Điều 76. Hệ thống kế toán<sup>134</sup>

1. Hệ thống kế toán Maritime Bank sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Maritime Bank lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Maritime Bank sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Maritime Bank tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Maritime Bank.
3. Maritime Bank sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

##### Điều 77. Báo cáo<sup>135</sup>

1. Maritime Bank phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Maritime Bank chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Maritime Bank có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
  - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Maritime Bank;
  - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Maritime Bank.
3. Công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Maritime Bank phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

##### Điều 78. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Maritime Bank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.<sup>136</sup>

<sup>132</sup> Điều 136 Luật CTCTD 2010

<sup>133</sup> Điều 137 Luật CTCTD 2010

<sup>134</sup> Điều 42 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>135</sup> Điều 141 Luật CTCTD 2010

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Maritime Bank phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Luật Chứng khoán năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung.

**Điều 79. Thông tin**<sup>137</sup>

3. Maritime Bank phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại Maritime Bank cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
4. Maritime Bank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của Maritime Bank.
5. Maritime Bank có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHH thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với Maritime Bank theo quy định của NHNN.
6. Maritime Bank có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 của Luật Chứng khoán năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định khác có liên quan của pháp luật đối với Công ty đại chúng

**Điều 80. Bảo mật thông tin**

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của Maritime Bank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Maritime Bank.
2. Maritime Bank phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại Maritime Bank.
3. Maritime Bank không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại Maritime Bank cho tổ chức, các nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

**CHƯƠNG XIV**

**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ**<sup>138</sup>

**Điều 81. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Maritime Bank danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền hợp lệ của Cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Maritime Bank, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Maritime Bank vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Maritime Bank sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo

<sup>136</sup> Điều 143 Luật CTCTD 2010

<sup>137</sup> Điều 13 Luật CTCTD 2010

<sup>138</sup> Điều 37 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

- Điều lệ này được công bố trên website của Maritime Bank. Các Cổ đông có quyền được nhận một bản Điều lệ miễn phí do Maritime Bank cấp, nếu có yêu cầu.

## CHƯƠNG XV

### NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

#### Điều 82. Người lao động và công đoàn<sup>139</sup>

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Maritime Bank với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Maritime Bank và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XVI

### PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

#### Điều 83. Trả cổ tức<sup>140</sup>

- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Maritime Bank. Maritime Bank chi được trả cổ tức cho Cổ đông khi Maritime Bank đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Maritime Bank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Maritime Bank; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Maritime Bank vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Maritime Bank.
- Maritime Bank không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại Maritime Bank<sup>141</sup>.
- Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Maritime Bank sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và

<sup>139</sup> Điều 38 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>140</sup> Điều 93 Luật Doanh nghiệp 2005; Điều 38 Nghị định số 59 và Điều 39 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>141</sup> Khoản 2 Điều 38 Nghị định 59



trường hợp thế có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.

7. Cổ tức có được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Maritime Bank đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Maritime Bank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Maritime Bank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Maritime Bank. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Maritime Bank.
11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Maritime Bank.
12. Maritime Bank không được trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại Maritime Bank.
13. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

**Điều 84. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Điều 85. Kiểm toán độc lập<sup>142</sup>

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Maritime Bank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Maritime Bank phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Maritime Bank phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.<sup>143</sup>

## CHƯƠNG XVIII

### CON DẤU

### Điều 86. Con dấu<sup>144</sup>

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Maritime Bank và con dấu được khắc, đăng ký theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIX

### KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ

#### MỤC 1

#### KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT<sup>145</sup>

### Điều 87. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả

Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Maritime Bank phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và biện pháp đã áp dụng, biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục.

### Điều 88. Các trường hợp Maritime Bank có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt<sup>146</sup>

1. Có nguy cơ mất khả năng chi trả.

<sup>142</sup> Điều 42 Luật CTCTD 2010

<sup>143</sup> Khoản 4 Điều 45 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>144</sup> Điều 46 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

<sup>145</sup> Mục 1 Chương VIII Luật CTCTD 2010

<sup>146</sup> Khoản 3 Điều 146 Luật CTCTD 2010

2. Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ mất khả năng thanh toán.
3. Số lỗ lũy kế của Maritime Bank lớn hơn 50% giá trị thực của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
4. Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của NHNN.
5. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.

**Điều 89. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi Maritime Bank trong tình trạng kiểm soát đặc biệt<sup>147</sup>**

1. Xây dựng phương án củng cố tổ chức và hoạt động trình Ban Kiểm soát đặc biệt thông qua và tổ chức triển khai thực hiện phương án đó.
2. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát ngân hàng.
3. Chấp hành yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt liên quan đến tổ chức, quản trị, kiểm soát, điều hành Maritime Bank.
4. Thực hiện yêu cầu của NHNN theo quy định của pháp luật.

**Điều 90. Khoản vay đặc biệt**

1. Maritime Bank được vay đặc biệt của NHNN và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây:
  - a) Maritime Bank lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng;
  - b) Maritime Bank có nguy cơ mất khả năng chi trả do các sự cố nghiêm trọng khác.
2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của Maritime Bank hoặc được chuyển đổi thành phần vốn góp, vốn cổ phần tại Maritime Bank liên quan quy định tại Điều 149 của Luật Các tổ chức tín dụng.

**Điều 91. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt<sup>148</sup>**

1. Việc kiểm soát đặc biệt được kết thúc trong trường hợp sau:
  - a) Hoạt động của Maritime Bank trở lại bình thường;
  - b) Trong quá trình kiểm soát đặc biệt, Maritime Bank được sáp nhập, hợp nhất vào một tổ chức tín dụng khác;
  - c) Maritime Bank không khôi phục được khả năng thanh toán.
2. Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định kết thúc kiểm soát đặc biệt. Quyết định này được thông báo cho các cơ quan có liên quan.

**MỤC 2**

**PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ<sup>149</sup>**

<sup>147</sup> Điều 150 Luật CTCTD 2010

<sup>148</sup> Điều 152 Luật CTCTD 2010



**Điều 92. Phá sản ngân hàng**

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Maritime Bank vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Maritime Bank phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản Maritime Bank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

**Điều 93. Các trường hợp giải thể ngân hàng<sup>150</sup>**

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
2. Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

**Điều 94. Thanh lý tài sản của ngân hàng**

1. Trong trường hợp ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Maritime Bank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 94 Điều lệ này, Maritime Bank phải tiến hành thanh lý dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do Maritime Bank thanh toán.

**CHƯƠNG XX  
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ<sup>151</sup>**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của MARTIME BANK hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a) Cổ đông với MARTIME BANK hoặc
  - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của MARTIME BANK.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

<sup>149</sup> Mục 2 Chương VIII Luật CTCTD 2010

<sup>150</sup> Điều 154 Luật CTCTD 2010

<sup>151</sup> Điều 50 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài, Toà án sẽ do Trọng tài, Toà phán quyết bên nào phải chịu.

**Điều 96. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc<sup>152</sup>**

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng Quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
  - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Maritime Bank để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Maritime Bank để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu.
3. Trường hợp Ban Kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này thì Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
4. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**CHƯƠNG XXI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 97. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Maritime Bank chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Maritime Bank.

**Điều 98. Điều khoản thi hành**

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Maritime Bank lần thứ 21 thông qua và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 4067/NHNN-TTGSNH ngày 10/6/2013 của Thống đốc NHNN, thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã

<sup>152</sup> Điều 25 NĐ 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp





**MỤC LỤC**

Điều 1.	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ .....	2
Điều 2.	Áp dụng dẫn chiếu.....	4
Điều 3.	Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động .....	4
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động.....	6
Điều 5.	Nội dung hoạt động .....	6
Điều 6.	Góp vốn, mua cổ phần.....	8
Điều 7.	Bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	9
Điều 8.	Vốn điều lệ của Maritime Bank .....	9
Điều 9.	Thay đổi Vốn điều lệ .....	9
Điều 10.	Vốn hoạt động của Maritime Bank .....	10
Điều 11.	Sử dụng vốn, tài sản .....	10
Điều 12.	Bảo đảm an toàn vốn .....	10
Điều 13.	Các loại cổ phần .....	11
Điều 14.	Tỷ lệ sở hữu cổ phần .....	11
Điều 15.	Cổ phiếu.....	12
Điều 16.	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 17.	Chào bán cổ phần .....	13
Điều 18.	Chuyển nhượng cổ phần .....	14
Điều 19.	Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông .....	14
Điều 20.	Mua lại cổ phần theo quyết định của Maritime Bank .....	15
Điều 21.	Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	15
Điều 22.	Phát hành trái phiếu .....	15
Điều 23.	Cơ cấu tổ chức quản lý .....	15
Điều 24.	Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông.....	16
Điều 25.	Quyền của Cổ đông .....	17
Điều 26.	Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông Maritime Bank .....	19
Điều 27.	Đại hội đồng Cổ đông.....	20
Điều 28.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.....	21
Điều 29.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 30.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông .....	22
Điều 31.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông .....	23



Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	24
Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	24
Điều 34. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	25
Điều 35. Thể thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	28
Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	29
Điều 38. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	30
Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	30
Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn chung.....	30
Điều 41. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	31
Điều 42. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương.....	32
Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	33
Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm.....	33
Điều 45. <b>Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị</b> ....	35
Điều 46. Dương nhiên mất tư cách.....	35
Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	36
Điều 48. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp.....	36
Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	37
Điều 50. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.....	37
Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan.....	37
Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành Maritime Bank.....	38
Điều 53. Tránh xung đột quyền lợi.....	38
Điều 54. Trách nhiệm và bồi thường.....	39
Điều 55. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	39
Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	40
Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 58. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 59. Họp Hội đồng Quản trị.....	43
Điều 60. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	45
Điều 61. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	46



Điều 62. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.....	47
Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	47
Điều 64. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát.....	48
Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	49
Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	50
Điều 67. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	50
Điều 68. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	51
Điều 69. Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	51
Điều 70. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ.....	51
Điều 71. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ.....	52
Điều 72. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	52
Điều 73. Các yêu cầu và nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	52
Điều 74. Chế độ tài chính.....	54
Điều 75. Năm tài chính.....	54
Điều 76. Hệ thống kế toán.....	54
Điều 77. Báo cáo.....	54
Điều 78. Công khai báo cáo tài chính.....	54
Điều 79. Thông tin.....	55
Điều 80. Bảo mật thông tin.....	55
Điều 81. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	55
Điều 82. Người lao động và công đoàn.....	56
Điều 83. Trả cổ tức.....	56
Điều 84. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	57
Điều 85. Kiểm toán độc lập.....	58
Điều 86. Con dấu.....	58
Điều 87. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả.....	58
Điều 88. <b>Các trường hợp Maritime Bank có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.....</b>	<b>58</b>
Điều 89. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi Maritime Bank trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	59
Điều 90. Khoản vay đặc biệt.....	59
Điều 91. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt.....	59
Điều 92. Phá sản ngân hàng.....	60
Điều 93. Các trường hợp giải thể ngân hàng.....	60
Điều 94. Thanh lý tài sản của ngân hàng.....	60

---

Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	60
Điều 96. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.....	61
Điều 97. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	61
Điều 98. Điều khoản thi hành.....	61